TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 41, 09/10 – 13/10/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi"

Tiêu điểm nổi bật:

- Lạm phát của Mỹ đã tăng với tốc độ nhanh hơn một chút so với dự kiến trong tháng 9. CPI tăng 0.4% MoM, và 3.7% YoY (cao hơn kì vọng tương ứng là 0.3% và 3.6%). Tuy nhiên, dữ liệu từ CME group vẫn cho thấy xác suất đến 93% FED vẫn sẽ giữ lãi suất trong kì tới.
- Qua 15 phiên, Ngân hàng Nhà nước hút ròng 165,695 tỷ đồng thông qua tín phiếu kỳ hạn 28 ngày. Lãi suất trúng thầu tín phiếu giảm từ mức cao nhất là 1.3%/năm xuống còn 0.68%/năm trong phiên gần nhất.

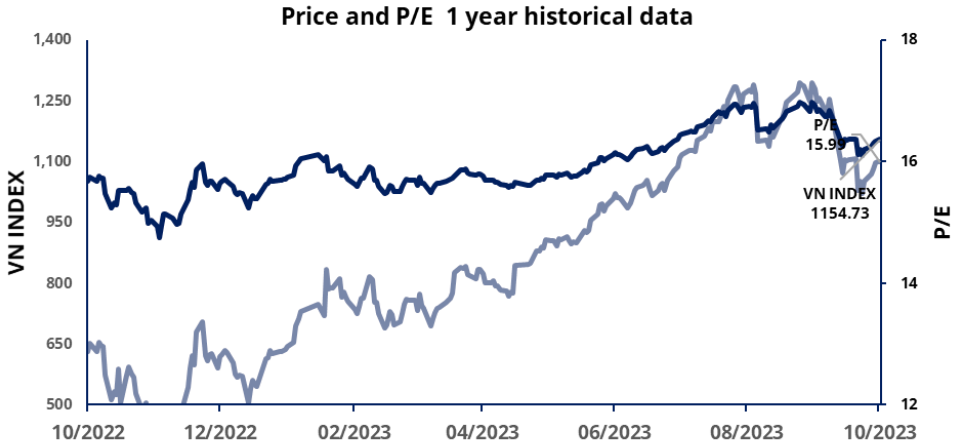
Đánh giá: Sau quá trình giảm mạnh của VNINDEX trong suốt 1 tháng qua, thị trường đã có tín hiệu phục hồi. Nguyên nhân có lẽ đến từ sự tích cực khi lãi suất liên ngân hàng và tín phiếu có dấu hiệu hạ nhiệt cùng sự đồng thuận phục hồi từ thị trường chứng khoán toàn cầu.

Góc nhìn kĩ thuật: Trong tuần này, VNINDEX đóng cửa kết tuần tại 1,154.7 (+26.19 điểm, +2.32%). Đà phục hồi này gần như đã xóa bỏ phiên giảm tuần trước. Thanh khoản duy trì ở mức thấp khi tâm lý nhà đầu tư vẫn còn dè dặt, chỉ báo STOCH RSI chuẩn bị cắt lên đường tín hiệu, thể hiện động lượng tăng giá sắp quay trở lại. Hiện khu vực kháng cự đang là 1160, và hỗ trợ là 1110. Nếu index có thể vượt thoát hoàn toàn vùng 1160, thì khả năng rất cao thị trường sẽ tiếp tục tiến về 1200

Ý tưởng đầu tư: Việc thị trường điều chỉnh sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho những nhà đầu tư dài hạn với mong muốn tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Điểm mua mới trong tuần trước đã được chúng tôi tích cực khuyến nghị trong các bản tin morning call, và hiện đang có hiệu suất tương đối tốt. Nhóm ngành chúng tôi khuyến nghị theo một số câu chuyện như: phục hồi của nhóm xuất khẩu (VHC), giá hàng hóa tăng cao (PVS), và nhóm tài chính (SSI, STB).

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,155	2.3	-6.8	-0.9	14.7		16.0	1.8	187
Upcom Index	88	0.8	-6.7	2.0	22.7		12.6	1.3	44
HNX Index	239	3.7	-6.7	4.0	16.4		27.0	1.3	12
VN30 Index	1,167	2.4	-6.5	0.9	16.1		13.4	1.7	134
S&P 500 Index	4,350	1.0	-2.6	-3.6	13.3		21.3	4.1	38,005
STOXX Europe 600 Index	450	1.2	-0.8	-2.4	6.0		13.2	1.8	12,743
Hang Seng	17,813	1.9	-1.1	-7.9	-9.9		10.1	1.0	2,664
Nikkei 225	32,316	4.3	-1.2	-0.3	23.8		25.9	1.9	4,019
SHCOMP Index	3,088	-0.7	-1.1	-4.6	0.0		14.1	1.4	6,370
STI Index	3,186	0.4	-1.0	-1.6	-2.0		11.4	1.1	363
KOSPI Index	2,456	2.0	-3.1	-5.2	9.8		17.5	0.9	1,413

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
(84-28) 6299 4232
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.3	-7.0	14.1	-6.2	-32.8	-36.1	74.2	-1.9	13.0	1.8	4,021,359
Mid Cap	2.7	-3.8	26.0	4.6	-28.1	-31.1	24.3	1.9	24.7	1.2	532,549
Small Cap	1.7	-6.0	15.3	-4.5	-34.0	-53.1	1.5	0.0	260.4	0.7	69,598

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	6.2	-5.3	24.4	114.6	69.4	54.5	2.1	1.2	23.4	2.2	62,446
Hóa chất	5.2	0.7	42.2	4.1	-4.7	-2.4	6.9	0.5	14.0	1.6	186,144
Du lịch và Giải trí	4.5	-0.3	-8.5	-25.2	-27.3	-32.4	0.8	-0.2	n.a	9.8	92,945
Tài chính	4.4	-8.3	87.7	-7.5	-28.0	-17.2	19.9	-0.8	35.9	1.6	176,190
Công nghệ Thông tin	3.7	-2.2	41.8	69.2	-2.8	15.1	2.0	0.9	22.3	3.4	136,691
Xây dựng và vật liệu	3.4	-4.1	43.1	8.5	-23.6	-27.6	8.6	1.0	63.7	1.2	125,028
Ô tô & Phụ tùng	3.0	-0.9	8.3	21.7	-33.7	-48.6	0.3	0.1	15.1	1.1	14,494
Tài nguyên cơ bản	2.9	-9.1	41.3	-9.2	-41.1	-41.1	6.9	-0.4	n.a	1.4	197,900
Bán lẻ	2.5	-9.3	24.2	6.8	-17.6	-14.4	4.3	0.4	46.0	3.2	103,362
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.3	-2.4	28.0	-3.4	-28.9	-19.9	6.5	0.0	12.3	1.3	132,479
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.1	-3.3	1.6	22.9	-10.9	-31.8	1.0	0.2	13.4	1.7	52,645
Bất động sản	2.1	-12.2	3.0	-10.7	-43.9	-53.1	19.3	-1.5	12.3	1.3	774,230
Ngân hàng	1.9	-5.7	20.8	-12.4	-43.9	-50.7	12.7	-1.3	8.9	1.5	1,643,010
Tiện ích	1.9	-3.9	6.4	2.7	-21.1	-36.4	1.5	0.1	13.1	1.9	323,900
Dược và Y tế	1.5	-0.9	23.8	64.5	46.1	-11.3	0.2	0.1	6.9	2.2	37,722
Thực phẩm và đồ uống	1.2	-7.7	-7.3	-7.6	-24.9	-36.6	6.7	-0.3	26.8	2.5	458,634
Bảo hiểm	0.3	-6.8	-5.4	0.2	-44.7	-61.8	0.2	0.0	15.4	1.4	42,998
Truyền thông	-0.5	64.7	108.5	203.5	544.5	364.3	0.1	0.0	29.8	1.3	1,837

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,601**	**9.4**	**-18.8**	**-198.6**	**39.9**
Nước ngoài	**2,510**	**13.4**	**-5.5**	**-137.4**	**112.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	577	0.0	-2.7	11.5	89.8
Fubon FTSE Vietnam ETF	795	2.1	10.9	-72.3	-4.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	585	9.1	-21.0	-39.4	-7.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	355	2.1	3.0	-5.0	61.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	169	0.0	4.3	-29.6	-26.5
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	-0.9	-0.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	-1.7	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,091**	**-3.9**	**-13.4**	**-61.2**	**-72.7**
DCVFMVN Diamond ETF	577	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	312	-0.3	1.5	-36.1	-47.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	162	-3.7	-14.8	-24.8	-25.0
MAFN VN30 ETF	25	0.0	-0.3	-0.6	-1.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.1	0.1	-0.3
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.1	0.1	0.2	1.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

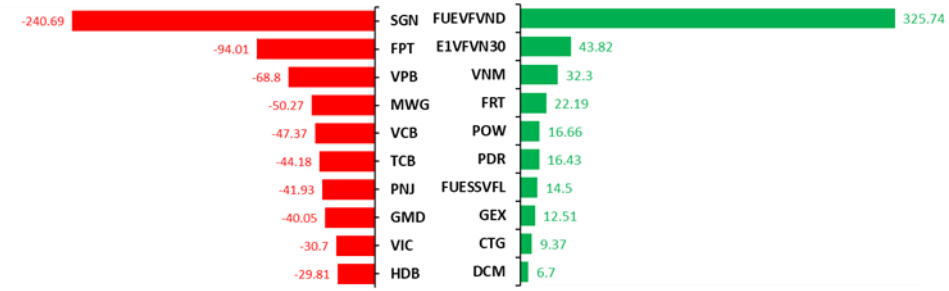
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-37	-621	-621	14,138
Indonesia	8	7	7	-302
Nhật Bản*	9,618	9,618	9,618	20,757
Maylaysia	6	-240	-240	-682
Philippines	-60	-105	-105	-834
Hàn Quốc	-500	-1,251	-932	5,058
Sri Lanka	0	0	0	10
Đài Loan	1,570	49	49	-2,131
Thái Lan	77	-162	-162	-4,689
Việt Nam	-55	-65	-65	-331

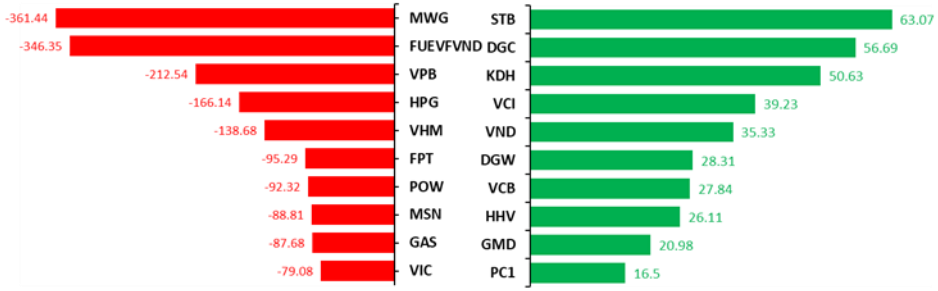
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-93	-185	433	-248
Tài nguyên Cơ bản	-17	-167	307	-140
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-292	46	8	-55
Y tế	0	4	40	-44
Hóa chất	-4	16	22	-38
Dịch vụ tài chính	343	-379	-51	430
Du lịch và Giải trí	-25	3	23	-26
Ngân hàng	-336	-283	215	67
Xây dựng và Vật liệu	5	56	-66	9
Thực phẩm và đồ uống	0	-241	313	-72
Bán lẻ	-28	-408	390	18
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9	-225	186	39
Hàng cá nhân & Gia dụng	-42	-2	42	-39
Công nghệ Thông tin	-95	-110	238	-128
Ô tô và phụ tùng	-2	-8	-3	11
Bảo hiểm	-1	-19	22	-3
Dầu khí	-32	-5	63	-58
Tổng	-611	-1,906	2,182	-276

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SJD	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.80 - 20.00	15.5	-21.32%
2	RDP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.50 - 12.50	10.2	-15.35%
3	SMA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.28 - 10.20	8.3	-13.13%
4	DLG	Tài nguyên Cơ bản	1.35 - 3.56	2.3	-9.60%
5	FCM	Sản xuất nông nghiệp	2.79 - 6.78	5.1	-8.93%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
29.81%	10.5	5.46 - 10.50	Xây dựng và Vật liệu	HU1
29.31%	15.0	8.11 - 15.45	Hóa chất	VAF
28.57%	7.2	5.45 - 12.00	Dịch vụ tài chính	OGC
21.91%	15.3	7.72 - 16.45	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ABR
20.50%	7.2	3.35 - 11.80	Bán lẻ	PIT

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CMS	Xây dựng và Vật liệu	4.80 - 38.10	25.0	-16.11%
2	CTC	Du lịch và Giải trí	1.40 - 3.80	1.7	-10.53%
3	HJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	28.60 - 47.50	42.3	-10.00%
4	SGC	Thực phẩm và đồ uống	58.40 - 92.00	58.5	-10.00%
5	SDU	Xây dựng và Vật liệu	18.80 - 48.80	32.4	-10.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.58%	10.8	6.70 - 11.80	Xây dựng và Vật liệu	PEN
17.65%	4.2	1.80 - 4.60	Tài nguyên Cơ bản	SPI
15.38%	4.5	3.20 - 7.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L43
15.12%	9.9	7.00 - 15.00	Thực phẩm và đồ uống	MCF
14.71%	53.8	9.00 - 65.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TSB

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TLI	Hàng cá nhân & Gia dụng	4.10 - 10.30	6.7	-34.31%
2	SPB	Hàng cá nhân & Gia dụng	12.60 - 34.52	16.5	-27.63%
3	NAS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.60 - 37.00	25.9	-27.25%
4	MIE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.00 - 15.00	9.0	-25.00%
5	SDY	Xây dựng và Vật liệu	1.90 - 4.70	2.9	-23.68%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
37.60%	17.2	12.20 - 28.00	#N/A	BHI
31.97%	16.1	12.00 - 16.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	SP2
26.90%	18.4	10.40 - 44.80	Xây dựng và Vật liệu	RCC
26.25%	10.1	4.20 - 20.00	Xây dựng và Vật liệu	SJC
25.81%	7.8	6.00 - 13.50	Xây dựng và Vật liệu	CI5

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	ELC	ELCOM	Công nghệ Thông tin	7,994.5	308.9	25.1	5.60 - 25.85	9.6
2	DHG	Dược Hậu Giang	Y tế	5,169.0	277.0	120.0	78.00 - 140.00	2.1
3	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17,059.1	245.4	41.0	17.05 - 43.40	7.3
4	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	5,617.9	217.9	20.8	13.10 - 21.70	7.8
5	OGC	Tập đoàn Đại Dương	Dịch vụ tài chính	7,220.4	204.3	7.2	5.45 - 12.00	28.8
6	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	6,439.4	196.5	110.4	61.80 - 118.00	3.4
7	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	Dầu khí	173,037.9	194.8	28.5	11.90 - 28.70	10.3
8	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	2,033.5	187.6	23.7	14.09 - 26.82	0.3
9	DRC	Cao su Đà Nẵng	Ô tô và phụ tùng	9,909.0	183.4	24.5	16.10 - 27.00	6.5
10	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	3,908.0	144.4	62.9	58.00 - 71.90	4.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

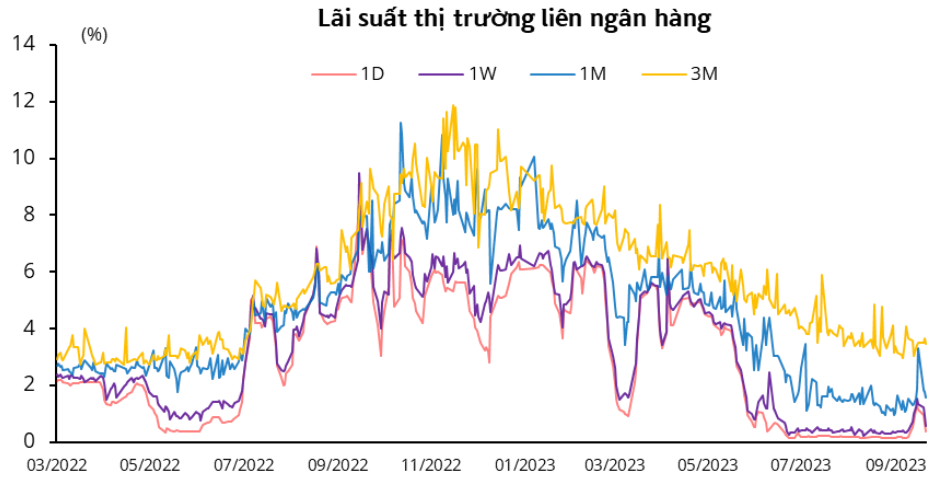
Tỷ giá

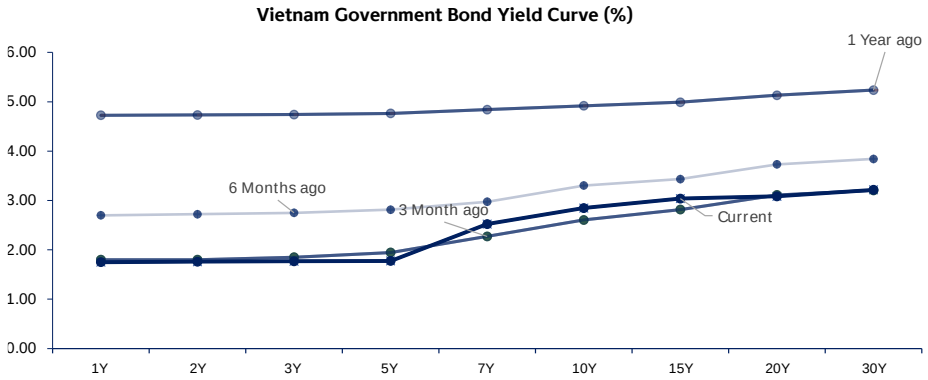
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	106.63	0.55	1.77	6.87	3.00	
VND/USD	24,455	0.27	1.28	3.27	3.48	
KRW/USD	1,350.05	0.00	1.51	5.91	6.68	
JPY/USD	149.58	0.17	1.44	8.35	14.08	
EUR/USD	0.95	0.66	2.02	6.74	1.79	
SGD/USD	1.37	0.31	0.61	3.58	2.23	
CNY/USD	7.31	0.13	0.50	2.22	5.93	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	85.94	3.80	-2.91	11.77	7.08	
Xăng	223.73	2.06	-18.30	-16.48	-9.03	
Gas	3.27	-1.95	22.13	28.61	-26.86	
Than	142.65	2.63	-10.28	10.54	-64.70	
Vàng	1,891.29	3.18	-0.88	-3.53	3.69	
Bạc	22.17	2.64	-2.91	-10.88	-7.43	
Platinum	867.89	-1.55	-3.99	-11.17	-19.21	
Quặng sắt	117.42	0.00	-2.42	6.16	5.52	
Thép cán	3,799.00	-2.21	-3.58	-1.76	-8.39	
Lúa mì	580.00	2.07	1.93	-7.57	-26.77	
Ngô	497.50	1.12	7.22	-16.18	-26.68	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





Maturity	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Interest Rate	1.75	1.76	1.77	1.78	2.52	2.85	3.04	2.82	3.43
Change (BPS)	0.00	1.30	1.60	3.30	-2.30	-2.40	0.60	2.00	2.70

Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.